

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Số: 53 /KL-TTr

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 675/QĐ-TTr ngày 26/12/2018 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, từ ngày 07/01/2019 đến hết ngày 18/01/2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Cơ sở). Thời kỳ thanh tra từ 01/01/2016 đến thời điểm đoàn tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 28/01/2019 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn.

2. Quyết định thành lập, quyết định sửa đổi, bổ sung

- Ngày 19/11/2001, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 62/QĐ-UB về việc thành lập Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh Lạng Sơn trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Sở LĐTBXH) tỉnh Lạng Sơn; ngày 05/9/2006, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1223/QĐ-UBND về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh Lạng Sơn thành Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn; ngày 26/8/2017, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1572/QĐ-UBND về việc đổi tên Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn thành Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn trực thuộc Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1572/QĐ-UBND).

3. Địa chỉ trụ sở chính: Km số 10, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

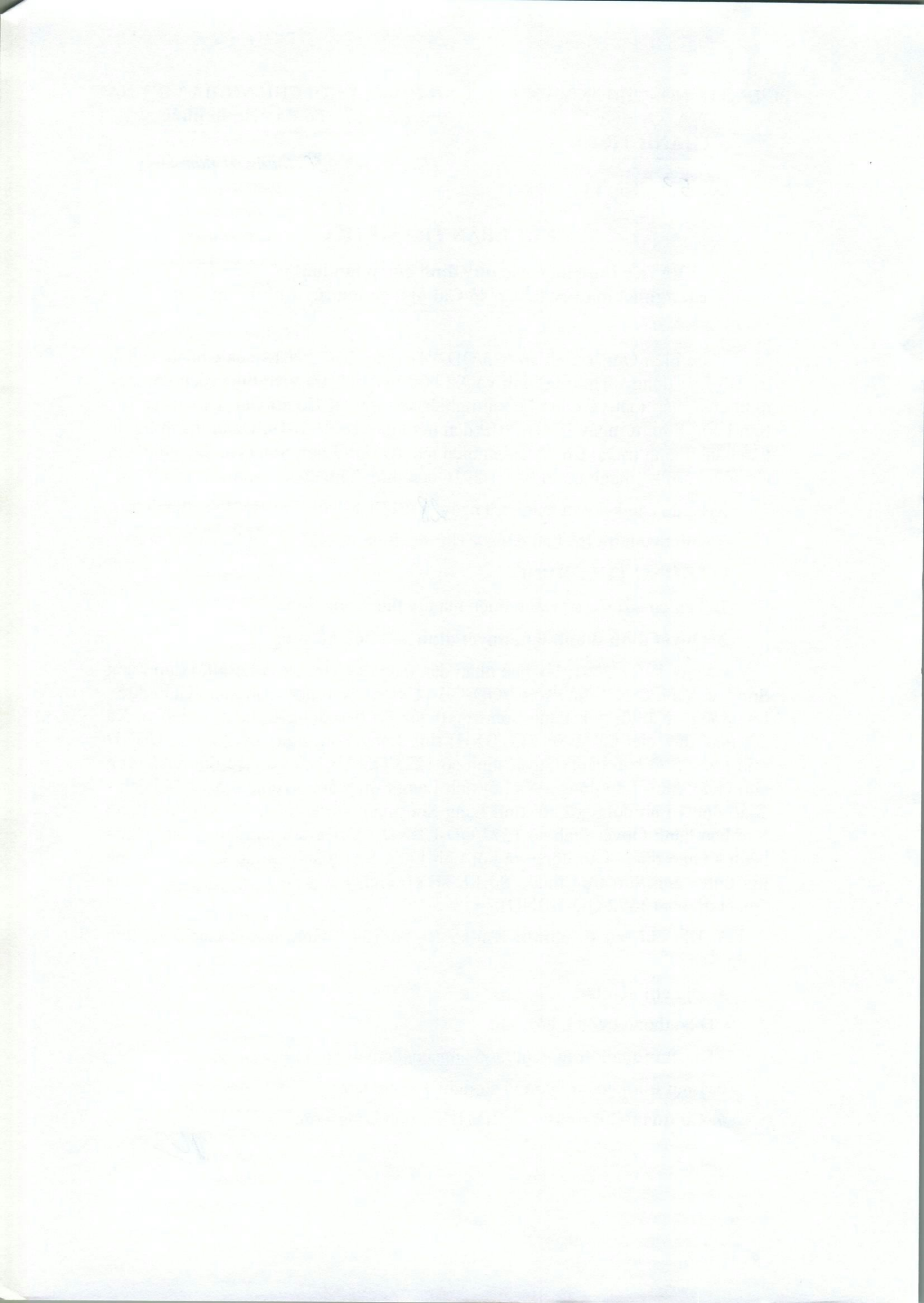
4. Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại: 02053. 861.940

- Địa chỉ Email: trungtam0506langson@gmail.com

5. Loại hình cơ sở: Đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Cơ quan chủ quản: Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn.



7. Chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở: Theo quy định tại Quyết định số 1572/QĐ-UBND.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, CẢI NGHIỆN MA TÚY ĐÃ ĐƯỢC CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Các văn bản của cơ quan quản lý, của Cơ sở ban hành để chỉ đạo, điều hành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở

- Để triển khai công tác quản lý, cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh nói chung và công tác quản lý, cai nghiện tại Cơ sở, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy nói chung và các quy định về quản lý, cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện nói riêng (*chi tiết tại Danh mục văn bản kèm theo.*)

- Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc Cơ sở đã ban hành các văn bản về quản lý, điều hành hoạt động của Cơ sở; chế độ quản lý, học tập, rèn luyện, sinh hoạt của học viên và các văn bản có liên quan (*chi tiết tại Danh mục văn bản kèm theo.*)

2. Về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất của Cơ sở

2.1. Cơ cấu tổ chức

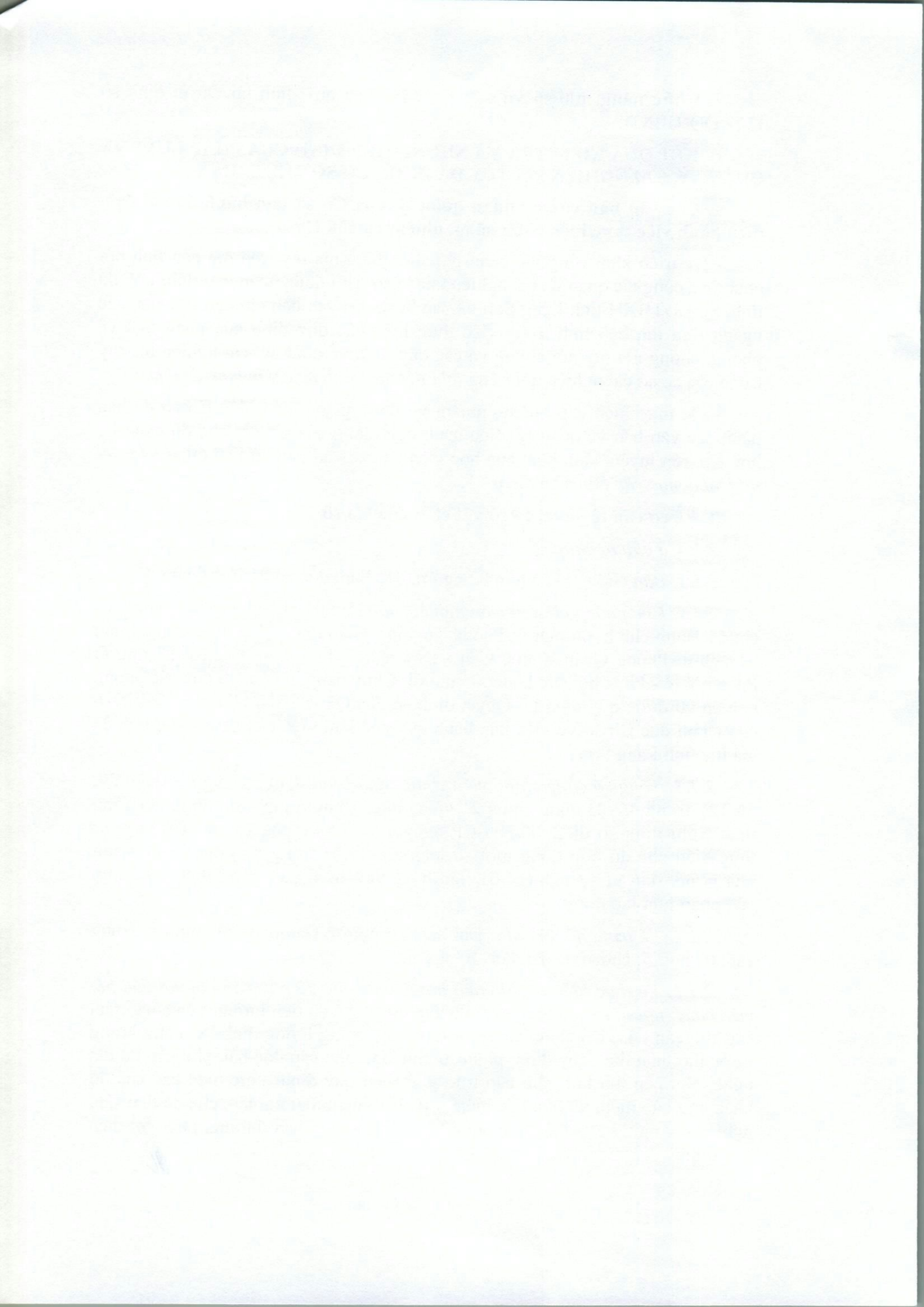
2.1.1. Ban Giám đốc: Gồm 02 người, 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

2.1.2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Gồm 04 phòng, cụ thể: Phòng Tổ chức - Hành chính: 04 người; Phòng Tư vấn - Giáo dục - Hòa nhập cộng đồng: 02 người; Phòng Quản lý học viên - Dạy nghề - Lao động trị liệu: 23 người; Phòng Y tế - Phục hồi sức khỏe: 05 người. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng nghiệp vụ được quy định tại Quyết định số 58a/QĐ-CSCNMT ngày 19/4/2018 của Giám đốc Cơ sở về việc ban hành quy chế làm việc của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn.

2.1.3. Tổng số công chức, viên chức, người lao động: 41 người (nam 29, nữ 12), trong đó: 01 công chức; 21 viên chức; 18 người ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; 01 người ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

2.1.4. Về trình độ đào tạo: Đại học: 25 người; Cao đẳng: 03 người; Trung cấp: 03 người; chưa qua đào tạo: 10 người.

2.1.5. Về thực hiện chế độ tiền lương, các chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức, người lao động: Cơ sở đã thực hiện chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ, viên chức và người lao động: Nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn theo quy định; phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thu hút, phụ cấp trực y tế theo quy định; thực hiện các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ thai sản, nghỉ phép, nghỉ bù, nghỉ các ngày lễ trong năm, chi khen thưởng, phúc lợi theo quy định.



2.2. Cơ sở vật chất

2.2.1. *Điều kiện về vị trí, môi trường:* Cơ sở đóng trên địa bàn xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; trên trục đường Quốc lộ 1A, cách trung tâm thành phố Lạng Sơn 10 km; khuôn viên khu nhà ở, sinh hoạt của học viên có tường rào bao quanh tách biệt với khu dân cư; không gian rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh; đường nội bộ sạch sẽ, đi lại thuận tiện; hệ thống điện, nước phục vụ sinh hoạt ổn định.

2.2.2. *Diện tích đất sử dụng, diện tích xây dựng, các hạng mục công trình:* Tổng diện tích đất Cơ sở được sử dụng là 19,82 ha; diện tích xây dựng 11.426 m². Các hạng mục công trình xây dựng gồm: Khu vực hành chính (các phòng nghiệp vụ, phòng trực của cán bộ, bếp ăn của cán bộ); khu điều trị cắt cơn; khu thăm gặp thân nhân; khu quản lý, điều trị học viên chưa xác định được nơi cư trú; khu quản lý, điều trị học viên nghiện các chất dạng thuốc phiện thay thế bằng thuốc Methadone; khu quản lý, điều trị học viên cai nghiện tự nguyện; khu nhà ở của học viên; bếp và nhà ăn của học viên; khu nhà xưởng; phòng kỹ luật; khu cách ly đối với các học viên mắc các bệnh lây nhiễm như bệnh lao, nhiễm HIV/AIDS. Các công trình phụ trợ khác như nhà để xe, đường đi nội bộ, khu sinh hoạt cộng đồng; khu vui chơi thể thao.

2.2.3. Vệ sinh, môi trường trong Cơ sở

2.2.3.1. Về quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế

- Năm 2018, Cơ sở đã ký Hợp đồng số 256/HĐ-DV với Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng về việc thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt.
- Đối với chất thải y tế, Cơ sở thực hiện phân loại tại nguồn, tiến hành đốt đối với loại chất thải của học viên nhiễm HIV/AIDS.

2.2.3.2. Về quản lý, xử lý nước thải

Cơ sở sử dụng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu, mỡ để xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

2.2.4. *Việc bố trí nơi khám chữa bệnh, học tập, dạy nghề, lao động, nơi ăn ở, sinh hoạt văn hóa thể thao, phòng kỹ luật, phòng cắt cơn, phòng thăm gặp thân nhân học viên*

- Khu y tế phục vụ điều trị cắt cơn, khám chữa bệnh cho học viên được bố trí riêng biệt, cách xa nơi ở của học viên.
- Cơ sở đã bố trí khu điều trị cách ly cho học viên mắc các bệnh lao, nhiễm HIV/AIDS và mắc STD.
- Cơ sở sử dụng nhà sinh hoạt cộng đồng để học viên học tập về nội quy, quy chế sau khi đã điều trị cắt cơn và thực hiện tư vấn cho học viên.
- Cơ sở có khu nhà xưởng để dạy nghề cho những học viên có nguyện vọng, đồng thời cũng là nơi để học viên lao động trị liệu.
- Về sinh hoạt văn hóa, thể thao: Cơ sở có sân bóng đá, bóng chuyền, nhà sinh hoạt cộng đồng.



- Cơ sở có phòng kỷ luật đối với học viên vi phạm đến mức phải chấp hành hình thức giáo dục tại phòng kỷ luật.

- Cơ sở có phòng thăm gặp thông thường; phòng thăm gặp riêng cho học viên có vợ chồng (nhà hạnh phúc).

3. Công tác quản lý học viên, trình tự, thủ tục tiếp nhận học viên

3.1. Số học viên quản lý tại Cơ sở qua các năm

- Số học viên cai nghiện ma túy bắt buộc qua các năm như sau: Năm 2016 quản lý 118 học viên, năm 2017 quản lý 169 học viên, năm 2018 quản lý 212 học viên, năm 2019 (tính tại thời điểm thanh tra) quản lý 213 học viên.

- Số học viên cai nghiện ma túy tự nguyện qua các năm như sau: Năm 2016 quản lý 72 học viên, năm 2017 quản lý 24 học viên, năm 2018 quản lý 15 học viên, năm 2019 (tính tại thời điểm thanh tra) quản lý 15 học viên (*Diễn biến học viên ra, vào Cơ sở trong các năm theo Phụ lục số 01 kèm theo*).

- Sau khi tiếp nhận học viên, Cơ sở lập sổ theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của từng học viên, nội dung sổ gồm các thông tin của học viên, ngày vào Cơ sở, thời điểm bắt đầu sử dụng ma túy, loại ma túy đã sử dụng, hình thức sử dụng; sổ theo dõi học viên thường xuyên cập nhật những diễn biến trong quá trình rèn luyện, học tập của học viên tại Cơ sở.

- Trong thời kỳ thanh tra, có 33 học viên bỏ trốn, cụ thể: Năm 2017 có 10 học viên (09 học viên bắt buộc, 01 học viên tự nguyện); năm 2018 có 23 học viên (20 học viên bắt buộc, 02 học viên tự nguyện, 01 người không có nơi cư trú chờ quyết định của tòa án). Đến thời điểm thanh tra, đã đưa được 21 học viên bỏ trốn quay lại Cơ sở.

3.2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận học viên vào Cơ sở

3.2.1. Đối với học viên cai nghiện bắt buộc

- Hồ sơ tiếp nhận đã đảm bảo các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định 221/2013/NĐ-CP), bao gồm: Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bản sao biên bản đưa người thi hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bản sao tóm tắt lý lịch của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Quy trình bàn giao, tiếp nhận học viên vào Cơ sở đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Quy trình, thủ tục tạm đình chỉ, miễn, giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc: Trong thời kỳ thanh tra có 01 trường hợp được miễn chấp hành thời gian còn lại của quyết định cai nghiện bắt buộc, Cơ sở đã thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Quy trình, thủ tục chuyển học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện theo yêu cầu của cơ quan tổ tụng hình sự: Trong thời kỳ thanh tra, có 02 học viên được Cơ sở





chuyển cơ quan tổ tụng hình sự; trình tự, thủ tục chuyển đảm bảo theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

3.2.2. Đối với học viên cai nghiện tự nguyện:

- Hồ sơ bao gồm: Đơn xin cai nghiện tự nguyện của học viên, sơ yếu lý lịch có ảnh và xác nhận của chính quyền địa phương, bản sao sổ hộ khẩu có chứng thực, bản sao chứng minh thư có chứng thực.

- Giám đốc Cơ sở quyết định tiếp nhận nếu học viên đủ điều kiện, đồng thời lập hợp đồng trách nhiệm về việc cai nghiện ma túy tự nguyện giữa Giám đốc Cơ sở và học viên.

4. Việc thực hiện các chế độ đối với học viên

4.1. Chế độ đóng góp của học viên

4.1.1. Đối với học viên cai nghiện bắt buộc: Học viên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp.

4.1.2. Đối với học viên cai nghiện tự nguyện: Thực hiện nghĩa vụ đóng góp theo quy định tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chế độ đóng góp và miễn, giảm đối với đối tượng trong Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Quyết định số 825/QĐ-UBND) nay là Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Chế độ ăn, mặc và sinh hoạt của học viên

- Cơ sở đã bố trí cho học viên ăn 03 bữa/ngày.

- Cơ sở áp dụng định mức tiền ăn đối với học viên cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).

-: Cơ sở áp dụng định mức tiền ăn đối với học viên cai nghiện tự nguyện theo Quyết định số 825/QĐ-UBND.

- Chế độ ăn trong các ngày lễ, tết: Các ngày lễ, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, ngày truyền thống... đã tăng định mức tiền ăn cho học viên.

- Học viên được trang cấp màn, chiếu, chăn, quần áo và các vật dụng sinh hoạt thiết yếu.

4.3. Chế độ điều trị cai nghiện, chăm sóc sức khỏe

- Cơ sở đã bố trí khu vực riêng cho bộ phận y tế, đảm bảo thông thoáng, vệ sinh; có buồng cất con, buồng điều trị, tủ thuốc và các vật dụng cần thiết phục vụ sơ, cấp cứu ban đầu. Phòng y tế của Cơ sở bao gồm 05 người, 01 bác sỹ, 01 y sỹ, 02 điều dưỡng, 01 dược sỹ, các cán bộ Phòng y tế đã được cấp Chứng chỉ hành nghề; đối với vị trí Bác sỹ đã được cấp Chứng chỉ xác định tình trạng nghiện theo quy định.



- Quy trình cai nghiện cho học viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT/BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Khi tiếp nhận học viên, Cơ sở đã lập hồ sơ bệnh án, trong đó cập nhật các thông tin về sức khỏe, diễn biến quá trình điều trị; chỉ định thuốc điều trị, tên thuốc, hàm lượng, liều lượng, cách dùng. Học viên vào, ra khỏi Cơ sở đều được kiểm tra và cấp Giấy kết quả kiểm tra sức khỏe.

- Khi học viên bị bệnh thông thường, trong khả năng chữa trị tại Cơ sở, Phòng Y tế - Phục hồi sức khỏe phối hợp với Phòng Quản lý học viên đưa học viên đến điều trị tại khu y tế. Trường hợp vượt quá khả năng, Cơ sở phối hợp với gia đình học viên chuyển học viên đến bệnh viện tuyến trên để chữa trị, chăm sóc.

- Việc mua, quản lý, sử dụng thuốc chữa bệnh đảm bảo theo quy định: Có đề xuất các loại thuốc cần mua, lập dự trù kinh phí được Giám đốc Cơ sở phê duyệt, có phiếu nhập, phiếu xuất kho, biên bản kiểm kê thuốc hàng tháng, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng thuốc hàng tháng.

- Công tác an toàn, vệ sinh thực phẩm, phòng chống bệnh dịch được đảm bảo: Cơ sở đã thực hiện lưu giữ mẫu thức ăn từng bữa trong thời gian 24 giờ theo quy định; định kỳ phun thuốc khử khuẩn tại các khu điều trị, bếp tập thể, phòng ở của học viên và nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thăm gặp. Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh dịch bệnh tại Cơ sở.

4.4. Sinh hoạt văn hóa, thể thao

Tại các khu nhà ở của học viên, Cơ sở đã bố trí sân bóng đá; các ngày lễ, ngày truyền thống, Cơ sở tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, giao lưu văn nghệ, thể thao giữa cán bộ Cơ sở với học viên.

4.5. Tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách

Cơ sở đã bố trí phòng tư vấn: Sau giai đoạn cắt cơn giải độc, học viên được học nội quy, quy chế, những quy định liên quan đến công tác cai nghiện, kiến thức kỹ năng phòng, chống những loại bệnh dễ lây nhiễm, biện pháp phòng tránh tái sử dụng ma túy...

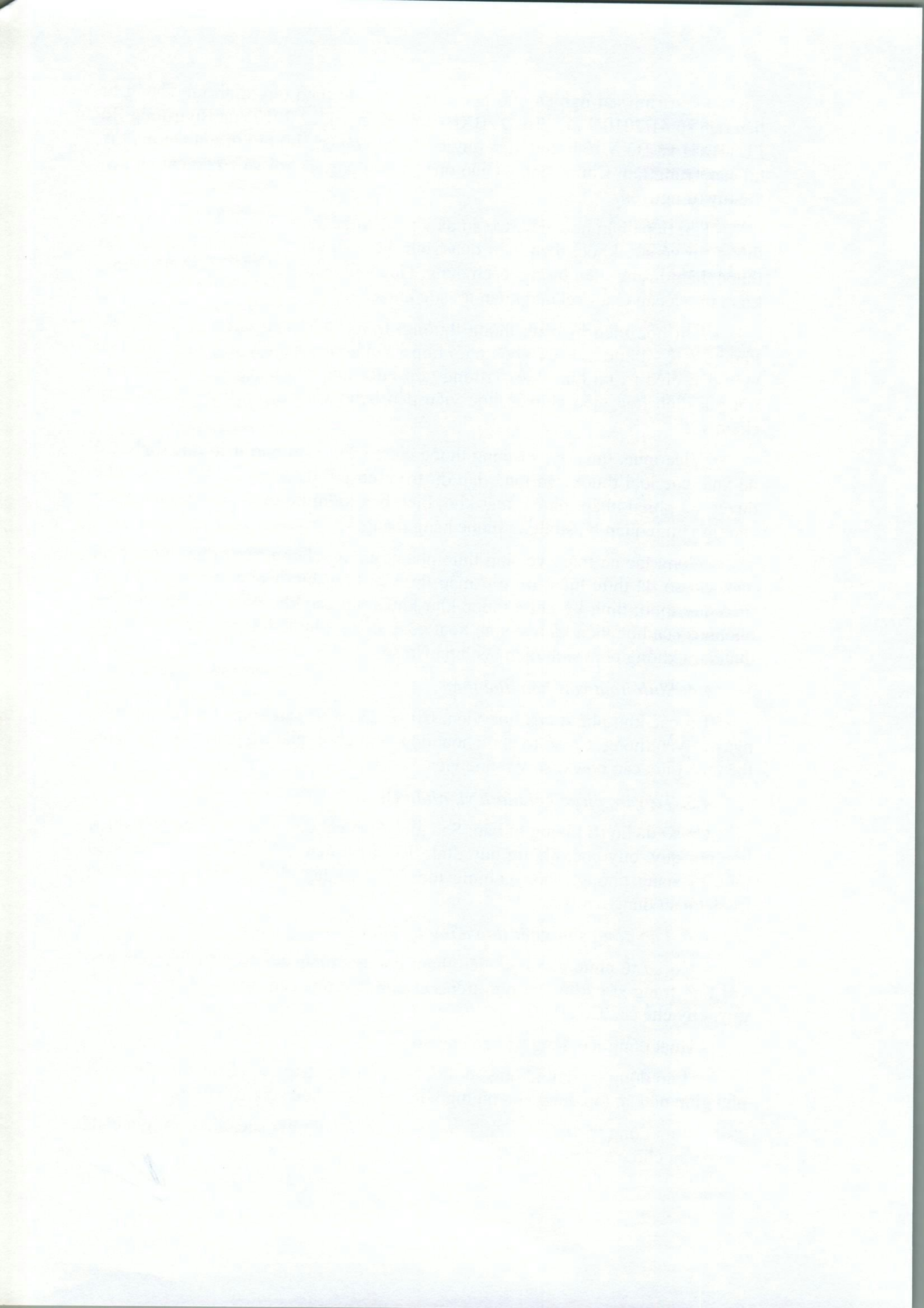
4.6. Lao động sản xuất (lao động trị liệu)

- Cơ sở tổ chức cho học viên tham gia lao động sản xuất trị liệu phù hợp với tình trạng sức khỏe và dựa trên kết quả học tập, rèn luyện, chấp hành nội quy, quy chế của Cơ sở.

- Hoạt động lao động trị liệu bao gồm:

+ Lao động trị liệu không có thu: Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, phụ giúp nấu ăn (áp dụng cho những học viên sức khỏe yếu, cao tuổi).

+ Lao động trị liệu có thu: Trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, gia công sản phẩm cho các đơn vị liên kết.



4.7. Quy định về thăm gặp thân nhân của học viên

Cơ sở đã bố trí nơi thăm gặp thân nhân của học viên (có phòng thăm gặp thông thường, phòng thăm gặp riêng đối với vợ, chồng học viên); căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH), ngày 08/12/2017, Giám đốc Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 220/QĐ-CSCNMT về chế độ thăm gặp thân nhân của học viên tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

+ Về thăm gặp thông thường: Học viên được quyền gặp thân nhân tại phòng thăm gặp của Cơ sở, 02 lần/tháng, mỗi lần không quá 15 phút và tối đa không quá 03 thân nhân.

+ Thăm gặp vợ/chồng: Học viên có vợ hoặc chồng, được thăm gặp tại phòng thăm gặp riêng, 01 lần/tháng, tối đa không quá 48 giờ cho một lần gặp. Từ năm 2016 đến thời điểm thanh tra, có 491 lượt học viên thăm gặp tại phòng thăm gặp dành riêng cho vợ/chồng.

+ Học viên về chịu tang hoặc lý do chính đáng khác: Khi có bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con qua đời, học viên được phép về chịu tang; thời gian về chịu tang hoặc lý do chính đáng khác tối đa 05 ngày (không kể thời gian đi đường) và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định (từ năm 2016 đến nay Cơ sở đã giải quyết cho 07 lượt học viên về chịu tang theo quy định).

4.8. Tiếp nhận quà, đồ dùng thiết yếu, tiền lưu ký

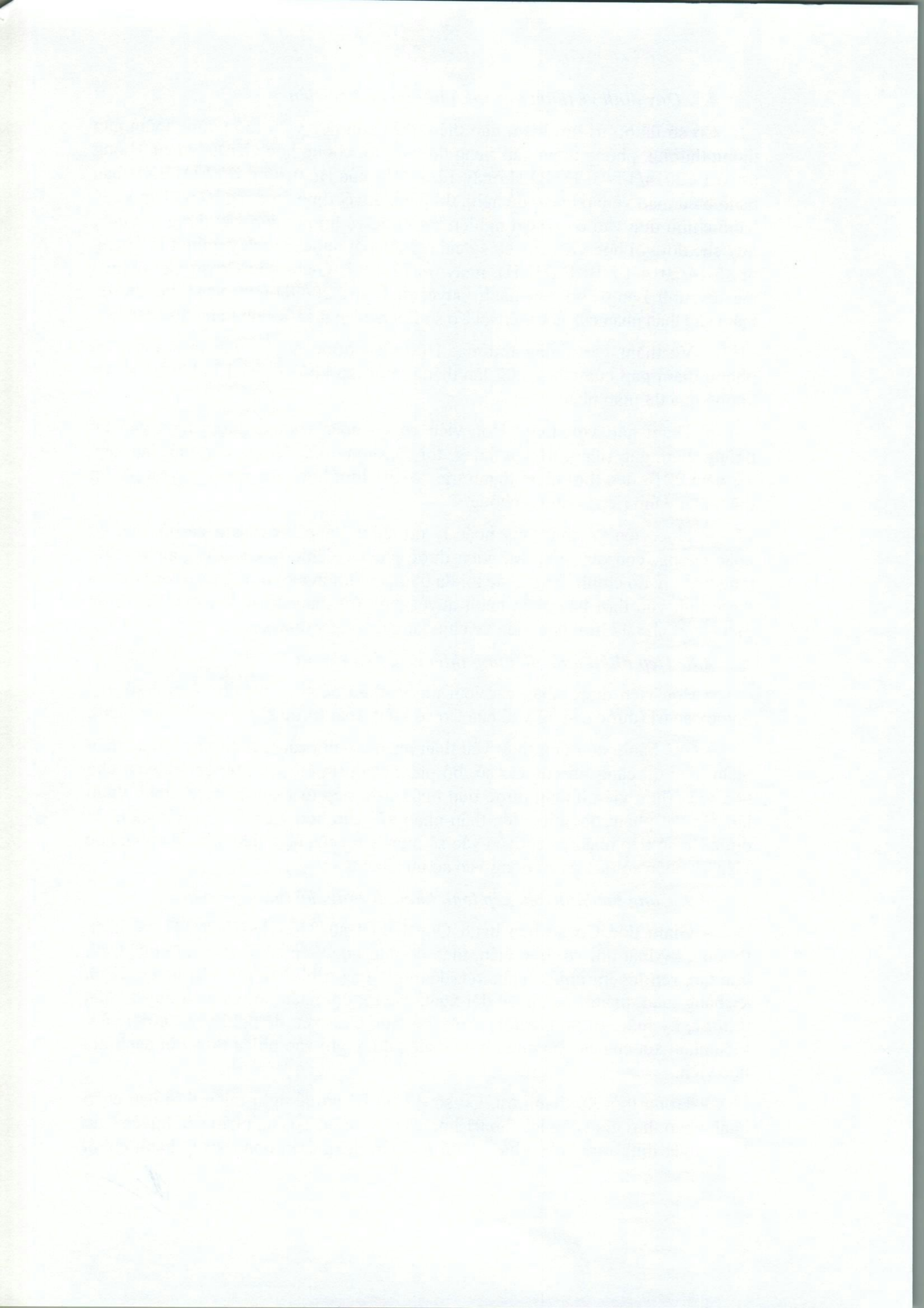
- Học viên được nhận các loại thuốc chữa bệnh mãn tính và một số loại thuốc đặc trị (được cán bộ y tế của Cơ sở kiểm soát trước khi giao cho học viên).

- Quà bánh, đồ dùng thiết yếu thân nhân có nhu cầu gửi cho học viên, thân nhân mua tại căng tin của Cơ sở, bộ phận căng tin có trách nhiệm chuyển cho học viên (học viên không được tiếp nhận trực tiếp từ thân nhân để tránh thâm lậu các vật phẩm bị cấm); tiền thân nhân gửi cho học viên để chi tiêu cá nhân được Cơ sở tiếp nhận và chuyển vào sổ mua hàng của học viên; khi sử dụng, học viên ký nhận số tiền đã sử dụng vào sổ mua hàng.

4.9. Công tác bình xét, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật học viên

- Giám đốc Cơ sở ban hành Quyết định số 220/QĐ-CSCNMT về khen thưởng, kỷ luật đối với học viên, theo đó mỗi học viên có sổ theo dõi quá trình học tập, rèn luyện; phiếu nhận xét, đánh giá quá trình học tập, rèn luyện. Định kỳ hàng tuần, tháng, quý hoặc đột xuất, các tổ, đội nhận xét và biểu quyết khen thưởng, kỷ luật với từng trường hợp; kết quả bình xét, đề nghị của tổ, đội và ý kiến nhận xét của cán bộ quản lý học viên được ghi vào phiếu theo dõi đánh giá học viên.

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã lập hồ sơ đề nghị miễn thời hạn chấp hành phần thời gian còn lại cho 01 học viên và được Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc quyết định miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính



đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với học viên Vương Đình Quyên (Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 09/02/2018).

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã xét kỷ luật bằng hình thức giáo dục tại phòng kỷ luật đối với 62 lượt học viên.

5. Công tác quản lý tài chính

5.1. Tình hình thu của Cơ sở

- Năm 2017: Tổng thu là 8.361 triệu đồng, trong đó kinh phí từ năm trước chuyển sang là 406 triệu đồng (tiết kiệm chi là 322 triệu đồng; thu từ hoạt động cai nghiện cho người tự nguyện theo hợp đồng là 84 triệu đồng); thu từ nguồn để chi cho bộ máy quản lý hành chính là 5.296 triệu đồng; thu từ nguồn để chi cho học viên cai nghiện bắt buộc và người trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính là 2.436 triệu đồng; thu từ nguồn để chi cho học viên tự nguyện là 223 triệu đồng.

- Năm 2018: Tổng thu là 11.701 triệu đồng, trong đó kinh phí từ năm trước chuyển sang là 358 triệu đồng (tiết kiệm chi là 235 triệu đồng; thu từ thực hiện cai nghiện cho người tự nguyện theo hợp đồng là 123 triệu đồng); thu từ nguồn để chi cho bộ máy quản lý hành chính là 7.006 triệu đồng; thu từ nguồn để chi cho học viên cai nghiện bắt buộc và người trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính là 3.832 triệu đồng; thu từ nguồn để chi cho học viên tự nguyện là 505 triệu đồng..

- Năm 2019: Đến thời điểm thanh tra, kinh phí năm 2018 chuyển sang: nguồn để chi cho bộ máy quản lý hành chính là 2.158 triệu đồng; thu từ thực hiện cai nghiện cho người tự nguyện theo hợp đồng là 179 triệu đồng.

5.2. Tình hình chi của Cơ sở

- Năm 2017: Tổng chi là 8.003,7 triệu đồng, trong đó chi cho bộ máy quản lý và xây dựng, mua sắm trang thiết bị là 4.694,1 triệu đồng; chi cho học viên cai nghiện bắt buộc, người trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính là 2.434,5 triệu đồng; chi cho học viên tự nguyện là 347,1 triệu đồng; chi khác là 528 triệu đồng.

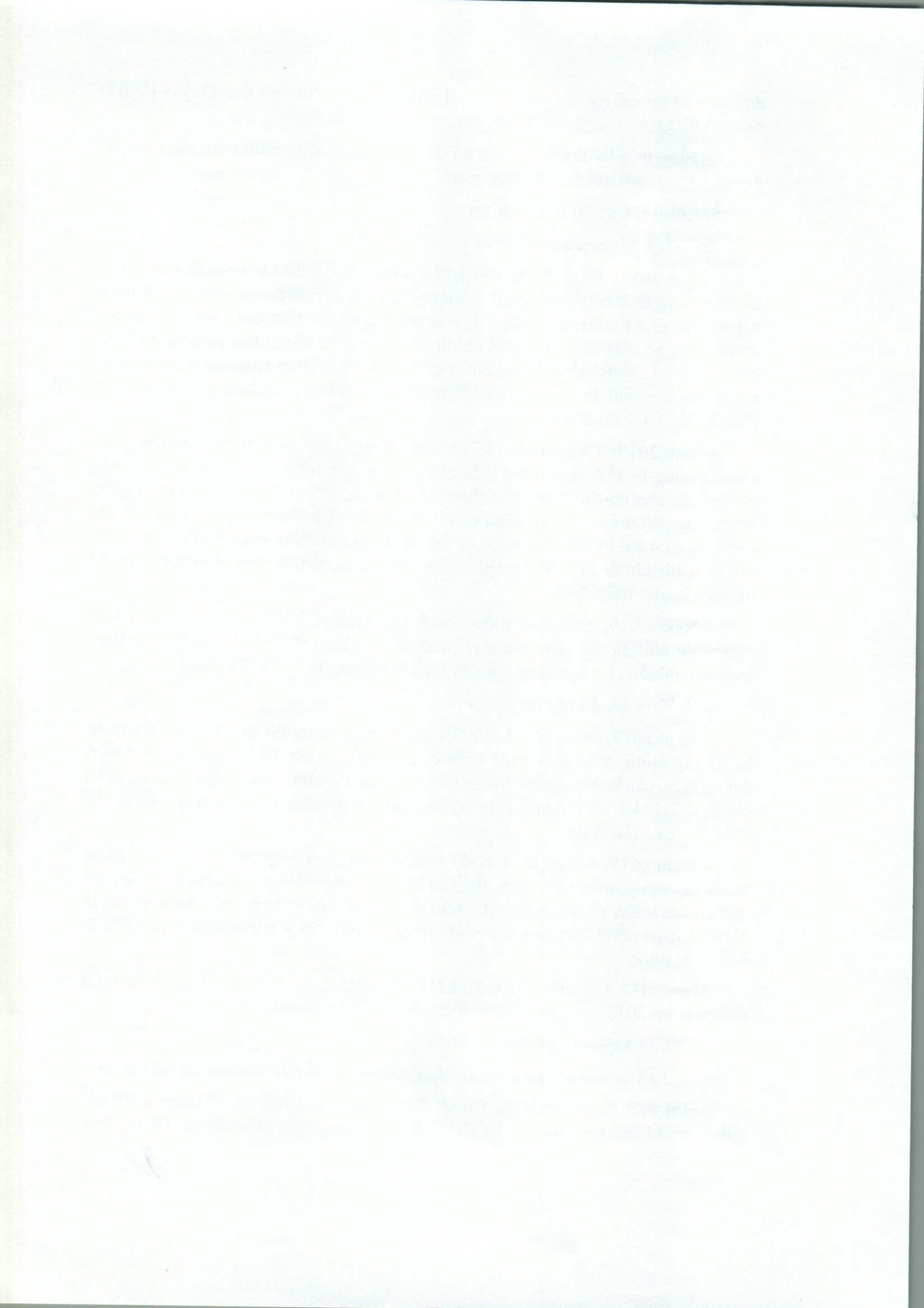
- Năm 2018: Tổng chi là 9.364,1 triệu đồng, trong đó chi cho bộ máy quản lý và xây dựng, mua sắm trang thiết bị là 5.207 triệu đồng; chi cho học viên cai nghiện bắt buộc, người trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính là 3.380,3 triệu đồng; chi cho học viên tự nguyện là 331,8 triệu đồng; Chi khác là 445 triệu đồng.

Năm 2017, Cơ sở đã được Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn duyệt quyết toán tài chính. Năm 2018 đang trong thời gian chỉnh lý báo cáo quyết toán.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác

6.1. Việc trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ tại Cơ sở

- Tại thời điểm thanh tra, Cơ sở được trang bị và hiện đang quản lý 10 dùi cui điện; 12 dùi cui cao su; 10 khóa số 8; 03 súng bắn đạn cao su; 08 bộ đàm



liên lạc. Các loại công cụ hỗ trợ nêu trên đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng.

- Cơ sở đã được Công an tỉnh Lạng Sơn tập huấn nghiệp vụ quản lý và sử dụng công cụ hỗ trợ cho các cán bộ được giao sử dụng công cụ hỗ trợ.

- Các công cụ hỗ trợ tại Cơ sở được giao trực tiếp cho các cá nhân quản lý, sử dụng, bảo quản.

- Đối với các công cụ hỗ trợ bị hỏng hoặc hết thời hạn sử dụng, Cơ sở lập biên bản, thống kê, báo cáo và đề nghị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn tiến hành thu hồi tiêu hủy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTĐBXH-BCA ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn công tác phối hợp đảm bảo an ninh trật tự và trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

6.2. Công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo

Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở không nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của học viên, thân nhân học viên.

6.3. Công tác thanh tra, kiểm tra

6.3.1. Do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện:

- Năm 2016, Thanh tra nhà nước tỉnh Lạng Sơn tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 116/QĐ-TTr ngày 03/8/2016 của Chánh thanh tra tỉnh Lạng Sơn. Kết quả thanh tra: Chánh thanh tra tỉnh Lạng Sơn kiến nghị, yêu cầu Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định về phòng, chống tham nhũng trong đơn vị; triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập theo quy định; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng kinh phí...đồng thời thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền 115.925.535 đồng (Kết luận thanh tra số 121/KL-TTr ngày 14/11/2016 của Chánh thanh tra tỉnh Lạng Sơn). Tại thời điểm thanh tra, Cơ sở đã thực hiện kiến nghị nêu trên.

- Năm 2017, Thanh tra Công an tỉnh Lạng Sơn tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy đối với Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 2283/QĐ-CAT-PV24 ngày 04/7/2017 của Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn. Kết quả thanh tra: Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn kiến nghị, yêu cầu Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn tiếp tục chỉ đạo, phổ biến triển khai thực hiện Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản hướng dẫn thi hành; khắc phục những hạn chế, thiếu sót về chuyên môn y tế ...đồng thời thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 287.600.500 đồng; điều chỉnh nguồn kinh phí do chi không đúng nguồn số tiền 53.461.800 đồng. Tại thời điểm thanh tra, Cơ sở đã thực hiện kiến nghị nêu trên.

- Năm 2017, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra đối với hai nguồn thu từ kết quả lao động sản xuất và nguồn đóng góp của cá



nhân, gia đình người cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn từ năm 2012 đến tháng 8/2017. Kết quả kiểm tra: Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn đề xuất với Lãnh đạo Công an tỉnh Lạng Sơn kiến nghị với Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.413.740.000 đồng do chi sai quy định, đồng thời kiểm điểm trách nhiệm đối với cá nhân để xảy ra sai phạm. Tại thời điểm thanh tra, Cơ sở đã thực hiện kiến nghị nêu trên.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, CAI NGHIỆN MA TÚY CHƯA ĐƯỢC CƠ SỞ THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Việc ban hành văn bản liên quan đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Cơ sở

1.1. Văn bản do UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành

Tại Quyết định số 1572/QĐ-UBND, phần căn cứ pháp luật và Khoản 1, Điều 1 của Quyết định căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập là không chính xác mà phải căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

1.2. Văn bản do Cơ sở ban hành

Ngày 20/12/2017, Giám đốc Cơ sở có Quyết định số 230/QĐ-CSCNMT về việc ban hành Quy chế hoạt động của lực lượng bảo vệ tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, Quyết định này căn cứ vào Thông tư số 46/2014/TT-BCA ngày 16/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp là không chính xác mà phải căn cứ vào Thông tư liên tịch 19/2006/TTLT-BLĐTĐTBXH-BCA.

2. Về hợp đồng làm việc đối với viên chức tại Cơ sở

Cơ sở chưa ký hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

3. Về khám sức khỏe định kỳ cho viên chức, người lao động

Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Bộ luật Lao động năm 2012.

4. Thực hiện quy trình, thủ tục truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở

Một số trường hợp học viên đi viện, về chịu tang không trở lại Cơ sở theo đúng thời hạn nhưng Cơ sở không ban hành quyết định truy tìm theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (Năm 2017: 03 học viên, gồm: Lý Văn Thủy, sinh năm 1973, xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; Hà Văn Ngôn, sinh năm 1986, xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; Trần Văn Dương, sinh năm 1976, Nà Cooc, Đoàn Kết, huyện Tràng Định,



tỉnh Lạng Sơn. Năm 2018: 04 học viên, gồm: Chu Phong Vũ, sinh năm 1972, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Vy Mạnh Thiết, sinh năm 1990, xã Đồng Tâm, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; Chu Văn Toàn, sinh năm 1997, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; Phan Mạnh Tùng, sinh năm 1982, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Trình tự, thủ tục trước khi học viên chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc

Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa triển khai hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng khi học viên trở về địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013.

6. Việc lập hồ sơ, bảo quản, lưu giữ hồ sơ

Việc lập hồ sơ, bảo quản và lưu giữ hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

7. Chế độ chăm sóc sức khỏe cho học viên

Năm 2017 và 2018, Cơ sở không tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học viên 06 tháng/lần theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định 221/2013/NĐ-CP.

8. Tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách

Thực hiện hoạt động tư vấn nhóm 1-2 lần/tháng là chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 41/TTLT-BLĐT BXH-BYT ngày 31/12/2010 hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

9. Chế độ dạy nghề

Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa tiến hành hoạt động dạy nghề cho học viên do chưa đủ điều kiện theo Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và chưa liên hệ được với các trường dạy nghề, các cơ sở dạy nghề khác tại địa phương đủ điều kiện và phù hợp với yêu cầu của Cơ sở để thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

10. Công tác bình xét, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật học viên

Việc xem xét kỷ luật bằng hình thức giáo dục tại phòng kỷ luật đối với một số học viên do lỗi sử dụng điện thoại trái phép, tự ý sử dụng thuốc không có chỉ định của bác sỹ là không phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 10 Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH và Quy chế quản lý học viên của Cơ sở.

11. Công tác quản lý tài chính

- Qua kiểm tra chứng từ chi cho thấy, Cơ sở chưa lưu đề xuất mua sắm được phê duyệt của thủ trưởng cơ quan hoặc người được ủy quyền.

- Tại một số chứng từ thanh quyết toán tiền ăn phục vụ học viên cai nghiện năm 2017, 2018: Bảng kê mua hàng hóa chưa thực hiện theo Mẫu số 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày



26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Thực hiện nhiệm vụ khác

12.1. Việc trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ tại Cơ sở

Cơ sở chưa thực hiện báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

12.2. Phối hợp bảo đảm an ninh trật tự

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa cung cấp cho Công an xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về số lượng học viên hiện có và danh sách học viên tiếp nhận hoặc ra khỏi Cơ sở và chưa thông báo cho Công an cấp xã nơi học viên về cư trú biết để quản lý, giáo dục đối với học viên hết thời hạn theo quy định tại Điểm 1.3 Mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

- Cơ sở chưa tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng với Công an xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự và thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian tiếp theo theo quy định tại Điểm 1.4 Mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

- Cơ sở chưa chủ trì xây dựng phương án phối hợp với Công an xã Tân Thành, Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về xử lý tình huống mất an ninh trật tự tại Cơ sở theo quy định tại Điểm 1.5 Mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

- Cơ sở chưa tổ chức đường dây nóng, thông báo công khai số điện thoại và nơi đặt hòm thư tố giác; tổ chức các hình thức tuyên truyền thích hợp nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi người biết các quy định về bảo đảm an ninh trật tự tại Cơ sở và khu vực xung quanh, các phương thức, thủ đoạn của các đối tượng vi phạm theo quy định tại Điểm 1.6 Mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

- Cơ sở chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn nghiệp vụ hàng năm về công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự tại Cơ sở và công tác quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ bảo vệ tại Cơ sở theo quy định tại Điểm 3.1 Mục 3 Phần I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị về xử lý trách nhiệm

Giám đốc Cơ sở Cai nghiện tỉnh Lạng Sơn nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với những hành vi gây ra thiếu sót, sai phạm nêu tại Phần III Kết luận thanh tra này.

2. Kiến nghị khắc phục thiếu sót, sai phạm

2.1. Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn

Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản thay thế Quyết định số 1572/QĐ-UBND nêu tại Điểm 1.1 Khoản 1 Phần III Kết luận thanh tra này.


2.2. Giám đốc Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn

Tổ chức khắc phục các sai phạm, thiếu sót đã nêu tại Điểm 1.2 Khoản 1; Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Phần III Kết luận thanh tra này.

V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

1. Giám đốc Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn thực hiện các kiến nghị nêu tại Khoản 1; Điểm 2.2 Khoản 2 Phần IV Kết luận thanh tra này, tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn về kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên.

2. Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn thực hiện các kiến nghị nêu tại Điểm 2.1 Khoản 2 Phần IV Kết luận thanh tra này; chỉ đạo Giám đốc Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn thực hiện kiến nghị và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị (kèm theo các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: Số 02 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm - Hà Nội trước ngày 15/3/2019./.

Nơi nhận: 

- Cơ sở CNMT tỉnh Lạng Sơn (để t/h);
- Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn (để t/h & chỉ đạo);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục PCTNXH (để ph/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

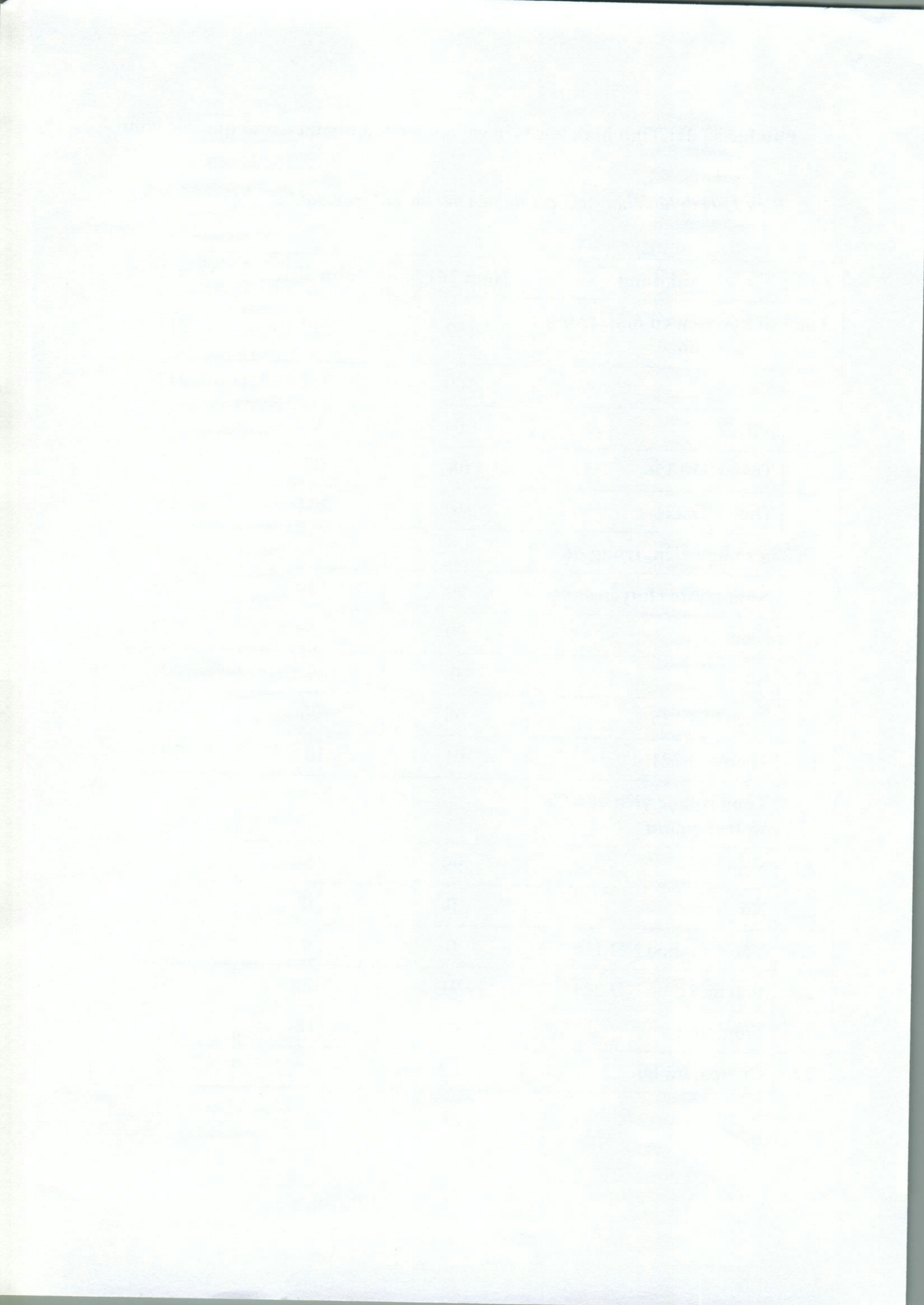


Phụ lục số 01: Tình hình học viên cai nghiện ma túy tại Cơ sở qua các năm

Biểu 1: Tình hình học viên cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở qua các năm

(Đvt: Người)

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số học viên có mặt, trong đó		169	212	213
	Nam	169	212	213
	Nữ	0	0	0
	Theo NĐ 135	08	08	05
	Theo NĐ 221	161	204	208
Tổng số học viên, trong đó				
1	Năm trước chuyển sang	99	169	212
1.1	Nam	99	169	212
1.2	Nữ	0	0	0
1.3	Theo NĐ 135	08	08	05
1.4	Theo NĐ 221	91	161	208
2	Tổng số học viên vào Cơ sở trong năm			
2.1	Nam	99	138	03
2.2	Nữ	0	0	0
2.3	Vào mới theo NĐ 135	0	0	0
2.4	Vào mới theo NĐ 221	91	138	03
2.5	Trốn, trở lại	03	18	0
2.6	Đi viện, trở lại	02	14	0

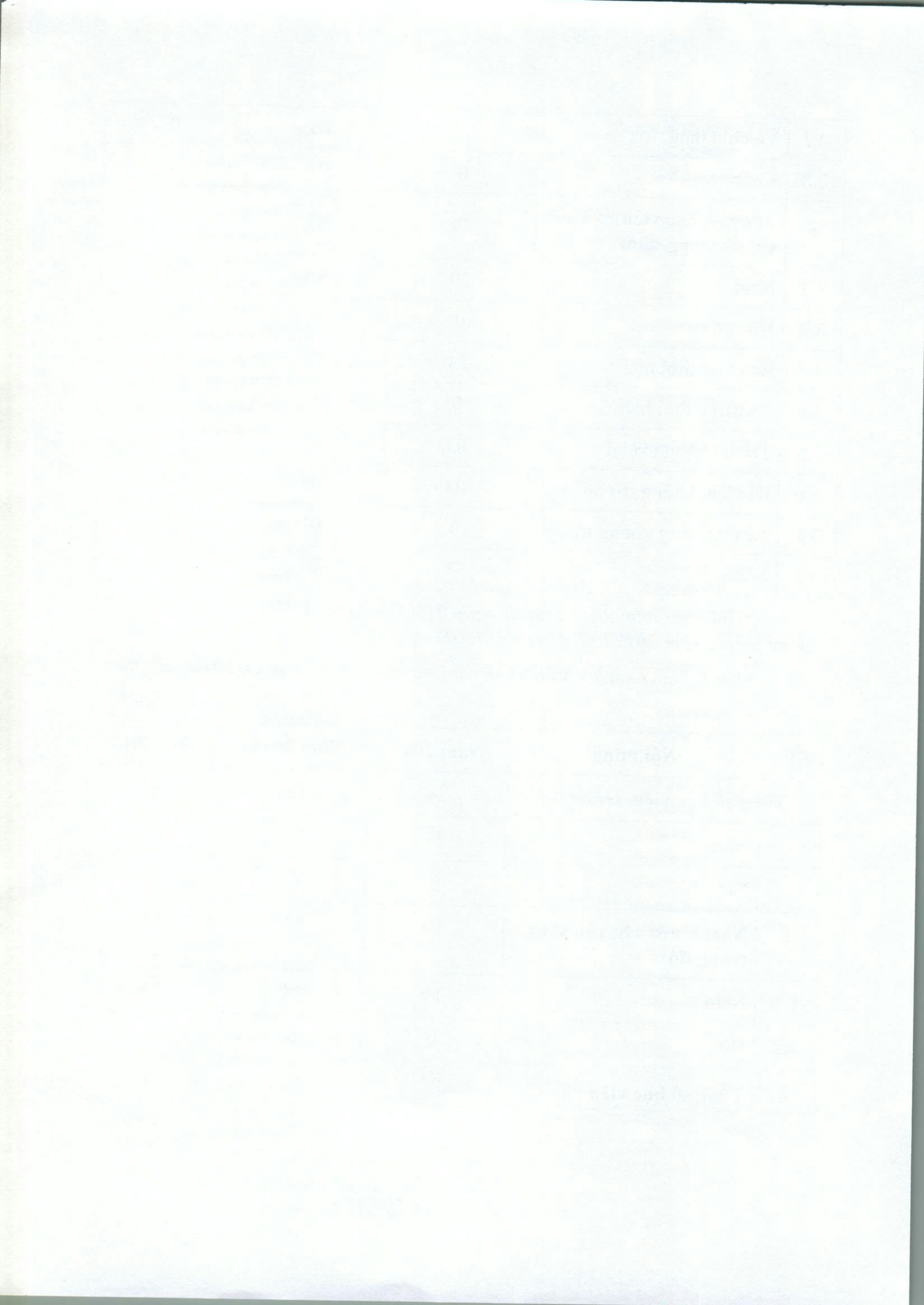


2.7	Về chịu tang, trở lại	03	03	0
2.8	Khác	0	01	0
3	Tổng số học viên ra khỏi Cơ sở trong năm	29	95	02
3.1	Nam	29	95	02
3.2	Nữ	0	0	0
3.3	Ra đúng thời hạn	23	82	02
3.4	Ra trước thời hạn	0	01	0
3.5	Trốn, không trở lại	03	04	0
3.6	Đi viện, không trở lại	03	06	0
3.7	Về chịu tang không trở lại	0	01	0
3.8	Khác	0	01	0

(Ghi chú: năm 2017 tính từ ngày 01/4 đến ngày 31/12; năm 2018 tính đến ngày 31/12; năm 2019 tính đến thời 10/01)

Biểu 2: Tình hình học viên cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở qua các năm
(Đvt: Người)

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
	Tổng số học viên, trong đó	24	15	15
	Nam	24	15	15
	Nữ	0	0	0
1	Năm trước chuyển sang, trong đó	19	24	15
1.1	Nam	19	24	15
1.2	Nữ	0	0	0
2	Tổng số học viên vào Cơ	37	45	0



	sở trong năm, trong đó			
2.1	Nam	37	45	0
2.2	Nữ	0	0	0
3	Tổng số học viên ra khỏi cơ sở trong năm:	32	54	0
3.1	Nam	32	54	0
3.2	Nữ	0	0	0
3.3	Ra đúng hợp đồng	04	10	0
3.4	Ra trước hợp đồng	28	44	0

(Ghi chú: năm 2017 tính từ ngày 01/4 đến ngày 31/12; năm 2018 tính đến ngày 31/12; năm 2019 tính đến ngày 10/01)

Danh mục văn bản do cơ quan quản lý, Cơ sở ban hành để chỉ đạo, điều hành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở

TT	Văn bản	Nội dung	Ngày ban hành
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành			
1	Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND	Quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy và định mức kinh phí mua vật dụng cá nhân đối với học viên cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	21/7/2017
UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành			
1	Quyết định số 62/2001/QĐ-UBND	Thành lập Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh Lạng Sơn trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn	19/11/2001
2	Quyết định số 1223/QĐ-UBND	Đổi tên Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh thành Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh	05/9/2006
3	Quyết định số 825/QĐ-UBND	Quy định chế độ đóng góp và miễn, giảm, đối với đối tượng trong Trung tâm chữa bệnh- Giáo dục- Lao động xã hội tỉnh	26/6/2012
4	Quyết định số 1572/QĐ-UBND	Chuyển đổi Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lạng Sơn thành Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	26/8/2017
5	Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND	Quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy và định mức kinh phí mua vật dụng cá nhân đối với học viên cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	30/8/2017



Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn ban hành

1	Văn bản số 56/HD-SLĐTBXH	Hướng dẫn việc tổ chức tiếp nhận người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội để quản lý, cấy com, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc	18/7/2016
2	Văn bản số 1220/SLĐTBXH-VP	Về việc thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ năm 2017	23/10/2017
3	Quyết định số 932/QĐ-SLĐTBXH	Về việc phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ.	12/3/2018
4	Quyết định số 1593/QĐ-SLĐTBXH	Về việc giao chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ năm 2018 đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	25/12/2018
Cơ sở trực tiếp ban hành			
1	Quyết định số 07/QĐ-TTCBGDLDXH	Về việc ban hành quy chế quản lý học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	06/01/2015
2	Quyết định số 91/QĐ-TTCBGDLDXH	Về việc ban hành quy chế quản lý sử dụng công cụ hỗ trợ	02/7/2015
3	Quyết định số 06/QĐ-TTCBGDLDXH	Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội Lạng Sơn	13/01/2017
4	Quyết định số 220/QĐ-CSCNMT	Về việc ban hành quy chế quản lý học viên	08/12/2017
5	Quyết định số 05/QĐ-CSCNMT	Về việc thành lập hội đồng khen thưởng, kỷ luật học viên cai nghiện ma túy tại Cơ sở	08/01/2018
6	Quyết định số 30/QĐ-CSCNMT	Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	31/01/2018
7	Quyết định số 58a/QĐ-CSCNMT	Về việc ban hành quy chế làm việc của cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	19/4/2018

